

Số: 69/2019/DS-ST
Ngày: 05/12/2019
“V/v tranh chấp
hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG- TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Trung Thảo;
2. Ông Nguyễn Thanh Hùng.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trần Minh Châu- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên tòa:
Không tham gia.

Vào ngày 5 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 288/2019/TLST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2019, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2019/QĐXXST-DS, ngày 15 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển V (BIDV).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Địa chỉ: Tháp B 35 H, quận H, Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn P, chức vụ: Giám đốc chi nhánh Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển V, chi nhánh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông P có: Ông Nguyễn Minh T, chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch huyện Tam Nông.

- *Bị đơn:*

1/. Bà Dương Thị Kim P, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Khóm R, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2/. Ông Lê Văn P1, sinh năm 1973.

Địa chỉ: ấp H, xã M, Thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/8/2019; biên bản không hòa giải được ngày 30/10/2019 và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Minh T trình

bày: Ngày 27/6/2018 bà Dương Thị Kim P có ký hợp đồng tín dụng số: 02/2018/9275152/HĐTD với Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển V, Chi nhánh Đồng Tháp, để vay số tiền là 1.200.000.000đ, thời hạn cho vay là 10 tháng, lãi suất vay trong hạn là 10%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh lúa, gạo. Trong quá trình bà P ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng để vay tiền, ông P1 (chồng bà P) có văn bản thỏa thuận thống nhất cho bà P vay tiền tại Ngân hàng. Để bảo đảm cho số tiền vay trên, bà Dương Thị Kim P và ông Lê Văn P1 đã thế chấp tài sản của mình theo hợp đồng thế chấp số: 01/2018/9275152/HĐBĐ ngày 27/6/2018. Sau khi ký hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân cho bà Dương Thị Kim P với số tiền 1.200.000.000đ. Sau khi giải ngân cho đến nay, bà P không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo quy định. Do hợp đồng tín dụng mà bà P đã ký kết với Ngân hàng đã hết thời hạn thanh toán, nhưng vợ chồng bà P vẫn chưa trả số tiền vay lại cho Ngân hàng.

Nay ông đại diện cho Ngân hàng, yêu cầu bà Dương Thị Kim P và ông Lê Văn P1 trả số tiền vay gốc còn thiếu là 1.200.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày 30/10/2019 là 146.890.410đ. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 1.346.890.410đ (Một tỷ ba trăm bốn mươi sáu triệu tám trăm chín mươi nghìn bốn trăm mười đồng) và yêu cầu tiếp tục tính lãi từ ngày 31/10/2019 theo hợp đồng tín dụng số 02/2018/9275152/HĐTD ngày 27/6/2018 cho đến khi trả hết số tiền vay.

Yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2018/9275152/HĐBĐ ngày 27/6/2018, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà, sổ vào sổ CH03476, thuộc thửa số 48, tờ bản đồ số 59, diện tích 92,5m², mục đích sử dụng đất: Đất ở đô thị và 01 căn nhà gắn liền với đất, loại nhà cấp 4 (01 trệt, 01 lầu), khung bê tông cốt thép, tường gạch, nền gạch ceramic, mái lợp tol, tổng diện tích sử dụng là 170m², diện tích xây dựng là 82,5m², do UBND huyện Tam Nông cấp ngày 16/7/2015, do bà Dương Thị Kim P đứng tên, đất tọa lạc tại thị trấn T mà Ngân hàng đã ký kết với bà P là hợp pháp.

- *Tại biên bản không hòa giải được ngày 30/10/2019 bà Dương Thị Kim P trình bày:* Trước đây vào năm 2018, vợ chồng bà có vay của Ngân hàng thương mại đầu tư và phát triển V, chi nhánh Đồng Tháp theo hợp đồng tín dụng số: 02/2018/9275152/HĐTD ngày 27/6/2018, vay số tiền là 1.200.000.000đ, thời hạn cho vay là 10 tháng, với lãi suất vay trong hạn là 10%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, mục đích vay tiền để bổ sung vốn kinh doanh lúa, gạo. Để bảo đảm cho số tiền vay trên, vợ chồng bà đã thế chấp tài sản, theo hợp đồng thế chấp số 01/2018/9275152/HĐBĐ ngày 27/6/2018, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà, sổ vào sổ CH03476, thuộc thửa số 48, tờ bản đồ số 59, diện tích 92,5m², mục đích sử dụng đất: Đất ở đô thị và 01 căn nhà gắn liền với đất, loại nhà cấp 4 (01 trệt, 01 lầu), khung bê tông cốt thép, tường gạch, nền gạch ceramic, mái lợp tol, tổng diện tích sử dụng là 170m², diện tích xây dựng là 82,5m², do

UBND huyện Tam Nông cấp ngày 16/7/2015, do bà đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do làm ăn bị thất bại nên vợ chồng bà vẫn chưa trả được số tiền vay gốc và lãi cho Ngân hàng được.

Nay vợ chồng bà đồng ý liên đới trả cho Ngân hàng thương mại đầu tư và phát triển V số tiền vay gốc còn nợ là 1.200.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày 30/10/2019 là 146.890.410đ. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 1.346.890.410đ (Một tỷ ba trăm bốn mươi sáu triệu tám trăm chín mươi nghìn bốn trăm mười đồng) và đồng ý tiếp tục chịu lãi từ ngày 31/10/2019 theo hợp đồng tín dụng số 02/2018/9275152/HĐTD ngày 27/6/2018 cho đến khi trả hết số tiền vay.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo công khai chứng cứ và hòa giải cho bà P và ông P1 đúng theo quy định, bà P có tham gia hòa giải, ông P1 không có mặt để tham gia hòa giải và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa, ông T đại diện cho Ngân hàng, yêu cầu bà P và ông P1 có trách nhiệm liên đới trả lại cho Ngân hàng số tiền vay gốc còn thiếu là 1.200.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày 30/10/2019 là 146.890.410đ. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 1.346.890.410đ (Một tỷ ba trăm bốn mươi sáu triệu tám trăm chín mươi nghìn bốn trăm mười đồng), yêu cầu vợ chồng bà P tiếp tục chịu lãi của số tiền vay gốc, theo mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng số 02/2018/9275152/HĐTD ngày 27/6/2018, kể từ ngày 31/10/2019 cho đến khi bà P và ông P1 trả hết số nợ gốc nêu trên.

Yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2018/9275152/HĐBĐ ngày 27/6/2018, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà, sổ vào sổ CH03476, thuộc thửa số 48, tờ bản đồ số 59, diện tích 92,5m², mục đích sử dụng đất: Đất ở đô thị và 01 căn nhà gắn liền với đất, loại nhà cấp 4 (01 trệt, 01 lầu), khung bê tông cốt thép, tường gạch, nền gạch ceramic, mái lợp tole, tổng diện tích sử dụng là 170m², diện tích xây dựng là 82,5m², do UBND huyện Tam Nông cấp ngày 16/7/2015, do bà Dương Thị Kim P đứng tên, đất tọa lạc tại thị trấn T mà Ngân hàng đã ký kết với bà P là hợp pháp.

[1] Xét yêu cầu của ông T (đại diện cho ngân hàng) là có căn cứ chấp nhận, bởi vì, qua xem xét hợp đồng tín dụng số 02/2018/9275152/HĐTD ngày 27/6/2018 thể hiện: Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển V, Chi nhánh Đồng Tháp có ký hợp đồng cho bà P vay số tiền là 1.200.000.000đ (Một tỷ hai trăm triệu đồng) để làm vốn làm ăn với lãi suất là 10%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Trong quá trình vay tiền, bà P có thế chấp tài sản cho Ngân hàng để đảm bảo cho số tiền vay nêu trên. Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân cho bà P với tổng số tiền 1.200.000.000đ (Một tỷ hai trăm triệu đồng). Sau khi giải ngân,

bà P không trả gốc hay lãi gì cho Ngân hàng theo thỏa thuận. Hiện nay hợp đồng tín dụng trên đã hết thời hạn nhưng bà P và ông P1 vẫn chưa thanh toán các khoản nợ trên cho Ngân hàng. Tại biên bản hòa giải ngày 30/10/2019, bà P thừa nhận vẫn còn nợ Ngân hàng số tiền gốc và lãi theo lời trình bày của đại diện Ngân hàng.

[2] Đối với ông P1, tuy không có ký tên vào hợp đồng tín dụng số 02/2018/9275152/HĐTD ngày 27/6/2018 để cùng vay tiền với bà P, nhưng tại văn bản thỏa thuận ngày 27/6/2018 (có chứng thực của Ủy ban nhân dân thị trấn T) thể hiện ông P1 thống nhất cho bà P thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà, sổ vào sổ CH03476, thuộc thửa số 48, tờ bản đồ số 59, diện tích 92,5m², mục đích sử dụng đất: Đất ở đô thị và 01 căn nhà gắn liền với đất, loại nhà cấp 4 (01 trệt, 01 lầu), khung bê tông cốt thép, tường gạch, nền gạch ceramic, mái lợp tol, tổng diện tích sử dụng là 170m², diện tích xây dựng là 82,5m², do UBND huyện Tam Nông cấp ngày 16/7/2015, do bà P đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Mặc khác, mục đích vay tiền của bà P là bổ sung vốn làm ăn. Như vậy, chứng tỏ ông P1 đã biết việc vay tiền trên và cùng sử dụng số tiền vay trên với bà P. Do đó, nghĩ nên buộc ông P1 có trách nhiệm liên đới cùng bà P trả số tiền vay gốc và lãi còn thiếu cho Ngân hàng, là phù hợp và có căn cứ chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu của ông T yêu cầu công nhận hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2018/9275152/HĐBĐ ngày 27/6/2018, mà Ngân hàng và bà P đã ký kết là hợp pháp. Xét yêu cầu trên là có căn cứ chấp nhận, bởi vì, trong quá trình bà P vay tiền tại Ngân hàng, có thể chấp tài sản cho Ngân hàng để đảm bảo số tiền vay, theo hợp đồng thế chấp số 01/2018/9275152/HĐBĐ ngày 27/6/2018, hợp đồng thế chấp này đã được chứng thực theo đúng quy định. Tuy ông P1 không ký tên vào hợp đồng thế chấp trên, nhưng tại văn bản thỏa thuận ngày 27/6/2018 (có chứng thực của Ủy ban nhân dân thị trấn T) thể hiện, ông P1 thống nhất cho bà P thế chấp tài sản, theo hợp đồng thế chấp số 01/2018/9275152/HĐBĐ ngày 27/6/2018 để vay tiền Ngân hàng và từ khi thế chấp cho đến nay, không ai có ý kiến hay tranh chấp gì đối với các tài sản trên. Do đó, có căn cứ xác định hợp đồng thế chấp trên là hợp pháp, đúng theo quy định.

[4] Tại phiên tòa, bà P và ông P1 vắng mặt, Hội đồng xét xử xét thấy bà P và ông P1 đã được triệu tập hợp lệ đúng theo quy định, nhưng vẫn vắng mặt, nên tiến hành xét xử vắng mặt bà P và ông P1 là phù hợp và đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Do yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ chấp nhận nên bà P và ông P1 phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463; 466 và 468 Bộ luật dân sự; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 2, Điều 26 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 1 Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14-4-2010 của

Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng V đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31-12-2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03-2-2005 tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển V đối với bà Dương Thị Kim P và ông Lê Văn P1.

2/ Buộc bà Dương Thị Kim P và ông Lê Văn P1, có trách nhiệm liên đới trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển V, số tiền vay gốc còn thiếu là 1.200.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày 30/10/2019 là 146.890.410đ. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 1.346.890.410đ (Một tỷ ba trăm bốn mươi sáu triệu tám trăm chín mươi nghìn bốn trăm mười đồng).

Bà Dương Thị Kim P và ông Lê Văn P1, tiếp tục chịu lãi của số tiền vay gốc, kể từ ngày 31/10/2019 theo mức lãi suất của hợp đồng tín dụng số 02/2018/9275152/HĐTD ngày 27/6/2018, mà bà P đã ký kết với Ngân hàng, cho đến khi thi hành xong số nợ gốc trên.

3/ Công nhận hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2018/9275152/HĐBĐ ngày 27/6/2018, giữa Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển V với bà Dương Thị Kim P là hợp pháp.

4/ Về án phí:

Bà Dương Thị Kim P và ông Lê Văn P1 phải liên đới nộp 52.406.700đ (Năm mươi hai triệu bốn trăm lẻ sáu nghìn bảy trăm đồng), tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển V được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 25.537.500đ (Hai mươi lăm triệu năm trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005633 ngày 30/9/2019, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông.

Báo cho nguyên đơn biết, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng GDKT Toà án Tỉnh;
- VKSND huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- Các đương vụ trong vụ án;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Hoàng Vũ